

Số: 48/QĐ-MNNA

Hồng Quang, ngày 07 tháng 04 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
V/v công khai tình hình thực hiện dự toán thu – chi NSNN
03 tháng đầu năm 2026

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước

Căn cứ Thông tư 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Theo đề nghị của bộ phận tài vụ trường MN Nghĩa An.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu – chi NSNN 03 tháng đầu năm 2026 của trường MN Nghĩa An.

(Theo mẫu biểu số 75 đính kèm)

Điều 2. Công khai bằng hình thư

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày kí.

Điều 3. Ban giám hiệu, bộ phận tài vụ và các tổ có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Thị Hà

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
(Tháng 1,2,3 - Quý 1 năm 2026)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Căn cứ Quyết định số 48/QĐ-MNNA ngày 07/04/2026 của trường Mầm non Nghĩa An

Trường Mầm non Nghĩa An công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách (03 tháng đầu năm 2026) như sau:

Đơn vị: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 03 tháng đầu năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 03 tháng đầu năm 2026 (so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp....				
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	7.691.000.000	1.645.700.912	21	
I	Nguồn ngân sách trong nước	7.691.000.000	1.645.700.912	21	
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				

2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>				
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo</i>				
-	<i>Nhiệm vụ chuyển đổi số</i>				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	7.691.000.000	1.645.700.912	21	
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	6.349.000.000	1.645.700.912	26	
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.342.000.000	0	0	

Phường Hồng Quang, 07 tháng 4 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Hà

**THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THÁNG 1,2,3 - QUÝ I NĂM 2026**

Trường MN Nghĩa An, phường Hồng Quang thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách nhà nước 03 tháng đầu năm 2026 như sau:

Tổng kinh phí đã thực hiện: 1.645.700.912 đồng
Trong đó : 1. Kinh phí tự chủ 1.645.700.912 đồng
2. Kinh phí không tự chủ: 0 đồng

Cụ thể như sau:

DVT: Đồng

Sô TT	Nội dung	Kinh phí đã chi	Ghi chú
I	Kinh phí thường xuyên/tự chủ	1.645.700.912	
1	Tiền lương	787.386.400	
	Lương theo ngạch, bậc	787.386.400	
2	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	44.756.600	
	Tiền công khác	44.756.600	
3	Phụ cấp lương	419.985.300	
	Phụ cấp chức vụ	13.338.000	
	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ		
	Phụ cấp ưu đãi nghề	274.332.300	
	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	702.000	
	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	131.613.000	
	Phụ cấp khác		
4	Phúc lợi tập thể	84.800.000	
	Chi khác	84.800.000	
5	Các khoản đóng góp	204.678.700	
	Bảo hiểm xã hội	166.598.900	
	Bảo hiểm y tế	28.559.800	
	Bảo hiểm thất nghiệp	9.520.000	
6	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		
	Chi khác		
7	Thanh toán dịch vụ công cộng	6.099.494	
	Tiền điện	4.900.694	
	Tiền nước		
	Tiền vệ sinh, môi trường	1.198.800	
8	Vật tư văn phòng	16.740.000	
	Văn phòng phẩm		
	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng		
	Khoán văn phòng phẩm		
	Vật tư văn phòng khác	16.740.000	
9	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	13.441.418	

	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	360.000	
	Khác	13.081.418	
10	Hội nghị		
	In, mua tài liệu		
	Các khoản thuê mướn khác		
	Chi bù tiền ăn		
	Chi phí khác		
11	Công tác phí		
	Phụ cấp công tác phí		
	Khoản công tác phí		
12	Chi phí thuê mướn	11.250.000	
	Thuê lao động trong nước	11.250.000	
13	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	21.408.000	
	Nhà cửa	16.848.000	
	Các thiết bị công nghệ thông tin	4.560.000	
	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác		
14	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		
	Chi mua hàng hóa, vật tư		
	Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành		
	Chi khác		
15	Chi khác	16.355.000	
	Chi các khoản khác	16.355.000	
16	Chi cho các sự kiện lớn	18.800.000	
	Chi kỷ niệm các ngày lễ lớn	18.800.000	
II	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ		
1	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		
	Khác		
2	Vật tư văn phòng		
	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng		
3	Mua sắm tài sản vô hình		
	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin		
4	Chi khác		
	Chi các khoản khác		
	Tổng cộng	1.645.700.912	

Hồng Quang, ngày 07 tháng 04 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị


Nguyễn Thị Hà